Huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn **Mẫu số 13**

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành theo Quyết định số 30 /2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²)

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất ở tại nông thôn				
1	Xã Yên Phúc				
1.1	Đường nhánh Quốc lộ 279 (từ đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc đến Chợ Bãi (toàn bộ khu vực trong chợ - áp dụng đối với những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)	3.746	2.247	1.498	749
1.2	Đường huyện 58 (từ Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc) đến Cống Kéo Đẩy)	1.851	1.111	740	370
1.3	Đường huyện 58 (từ Cống Kéo Đẩy đến Cột Km số 2 (Chợ Bãi đi Ba Xã))	264			
1.4	Đường xã 499 (Từ Đường rẽ từ Quốc lộ 279 vào đường liên thôn Nam - Tây A- Tây B đến Chân dốc Kéo Dầy)	264			
2	Xã Điềm He (Xã Văn An và xã Vĩnh Lại trước khi sáp nhập)				
2.1	Quốc lộ 1B (đoạn từ cây xăng đến hết Cầu Ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ)	3.743	2.246	1.497	749
2.2	Đường Quốc lộ 1B, đoạn 2 (Từ Cây xăng Điềm He (Km 17+700) đến Cầu Nà Làn)	400	240	160	
2.3	Đường tỉnh 239 (Từ Ngã 3 Điềm He rẽ đi xã Tân Đoàn đến Hết địa phận xã Điềm He (giáp xã An Sơn))	242			
2.4	Đường Quốc lộ 1B đoạn 3 (Từ đầu cầu Nà Làn đến giáp địa phận xã Khánh Khê	242			

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.5	Đường huyện 50 (Từ Cầu ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ đến Hết địa phận xã Điềm He)	242			
2.6	Đường huyện 52: Đường Bản Làn - Tràng Các (Từ Ngã 3 Bản Làn rẽ vào đường Tràng Các đến Hết địa phận xã Điềm He)	329	198		
2.7	Đường Quốc lộ 1B (Từ điểm tiếp giáp thị trấn Văn Quan (hết phố Nà Lộc) đến hết ngã 3 dường rẽ tỉnh lộ 232 đi huyện Văn Lãng (Km23+900))	721	433	288	
2	Xã Bình Phúc (xã Bình Phúc và xã Xuân Mai trước khi sáp nhập)				
3.1	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1: (Từ hết phố Bản Coóng đến điểm bưu điện xã Bình Phúc)	721	433	288	
3.2	Đường Quốc lộ 279: đoạn 2 (Từ Điểm bưu điện xã Bình Phúc đến Điểm giáp ranh xã Yên Phúc)	1.104	662	442	221
3	Xã Tân Đoàn				
3.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ giáp ranh xã Tràng Phái (Km10+96) đến đầu cầu xi măng	1.155	693	462	231
3.2	Đường xã 462B (Từ Điểm tiếp giáp đường Quốc lộ 239 qua chợ Tân Đoàn đến Đường vào trường THCS xã Tân Đoàn)	771	463	308	154
3.3	Đường tỉnh 239 đoạn 2 (Từ cầu xi măng chợ Ba Xã đến đường rẽ vào thôn Khòn Sày)	430	258		
3.4	Đường tỉnh 239 đoạn 3 (Từ đường rẽ vào thôn Khòn Sày đến điểm tiếp giáp xã An Sơn)	242			
3.5	Đường tỉnh lộ 239 (Từ Đoạn rẽ đi thôn Lùng Pá - Bản Nằng qua Trạm Truyền hình đến Trường Tiểu học xã Tân Đoàn)	843	506	337	
4	Xã Tri Lễ				
4.1	Đường huyện 59B (Từ Km7+500 đến Ngã 3 rẽ đi Hữu Lễ + đường vành đai tránh chợ)	781	469	312	
5	Xã Tràng Phái				

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ điểm tiếp giáp xã Tân Đoàn (Km10+150) đến Ngã 3 Phai Làng (Km8+700))	792	475	317	
5.2	Đường tỉnh 239, đoạn 2 (Từ Ngã 3 Phai Làng Km8+700 đến Km 6+00)	478	287	191	
5.3	Đường tỉnh 239, đoạn 3 (Từ Km6+00 đến Km5+00)	242			
5.4	Đường tỉnh 239, đoạn 4 (Từ Km8+00 theo đường huyện Đường huyện 59 đi chợ Bãi đến Km1+500)	361	217		
6	Xã Khánh Khê				
6.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh (quốc lộ 1B cũ, Đường huyện.59A) (Từ Cầu Nà Lốc đến Đường nhánh từ ngã ba chợ Khánh Khê lên 100m, từ ngã ba chợ Khánh Khê đến cầu cũ xã Khánh Khê, đến cầu mới Khánh Khê (Km11))	1.403	842	561	
6.2	Đường Quốc lộ 1B (Từ Giáp với xã Điềm He (xã Văn An cũ) (Km 14+500) đến Đầu cầu Nà Lốc)	421	253	168	
6.3	Đường huyện 59A (Từ đường đi xã Đồng Giáp cũ từ mét thứ 101 đến hết thôn Thống Nhất)	292			
6.4	Đường huyện 59A (từ đường rẽ xuống xóm Nà Lẹ (thôn đồng Tân đến Cầu Nà Bản)	512			
6.5	Đường huyện 52 (qua các thôn Nà Khàn, Nà Rẹ, Nà Tao): Từ giáp ranh xã An Sơn đến trường Tiểu học Nà Tao	420			
7	Xã Lương Năng				
7.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh quốc lộ 1B (từ Trường tiểu học xã Lương Năng đến Trường mầm non+200m khu vực chợ và đoạn từ đường rẽ Quốc lộ 1B đến cầu Nà Thang đến khu vực chợ)	421	253	168	
7.2	Đường nhánh quốc lộ 1B (Từ Đường rẽ Quốc lộ 1B vào thôn Pá Hà đến Đường rẽ vào trường THCS xã Lương Năng)	361	217	144	

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7.3	Đường nhánh (từ Trường mầm non xã Lương Năng +200m đến Hết thôn Bản Téng (hết địa phận Văn Quan))	219	131		
8	Xã Tú Xuyên				
8.1	Đường quốc lộ 1B: đoạn 1 (Từ Đầu cầu Bó Pia giáp ranh phố Tân Long, thị trấn Văn Quan đến Đầu cầu Bản Giềng thôn Khòn Coọng)	471	283		
8.2	Đường quốc lộ 1B: đoạn 2 (Từ Cầu Bảng Giềng đến giáp ranh xã Lương Năng (thôn Khòn Cọong)	242			
9	Xã Liên Hội (xã Vân Mộng trước khi sáp nhập)				
9.1	Đường tỉnh lộ 232 (gồm các thôn: Khòn Cải, Khòn Tẩu, Khòn Lạn) (Từ Đầu thôn Khòn Cải đến Hết thôn Khòn Lạn)	264			
10	Xã Hòa Bình				
10.1	Đường Tỉnh lộ 233 (Từ Km 1 + 410 thôn Khòn Hẩu (tiếp giáp với thị trấn Văn Quan) đến Km 7+200 thôn Trung Thượng (tiếp giáp với xã Bình La, huyện Bình Gia))	264			
11	Xã An Sơn				
11.1	Đường huyện 52 (qua các thôn Bản Nóoc, Nà Mìn) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Điểm tiếp giáp xã Tràng Các cũ)	219			
11.2	Đường huyện 53 đường Lũng Pa - Pắc Kéo - Thị trấn (qua các thôn Bình Đãng A, Bình Đãng B, Quang Bí, Bản Thí, Phiền Mậu, Tân Tiến, Ích Hữu): Từ đoạn rẽ từ Quốc lộ 1B (đèo Lùng Pa) hết thôn Ích Hữu giáp thị trấn Văn Quan	600	360	240	
11.3	Đường tỉnh lộ 239 (qua các thôn Cốc Phường, Đoàn Kết, Nà Thòa) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Hết địa phận xã An Sơn - giáp xã Tân Đoàn)	219			
	Đất sản xuất, kinh doanh không phải đất thương mại dịch vụ				
1	Xã Yên Phúc				

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.1	Đường nhánh Quốc lộ 279 (từ đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc đến Chợ Bãi (toàn bộ khu vực trong chợ - áp dụng đối với những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)	2.622	1.573	1.049	524
1.2	Đường huyện 58 (từ Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc) đến Cống Kéo Đẩy)	1.296	777	518	259
1.3	Đường huyện 58 (từ Cống Kéo Đẩy đến Cột Km số 2 (Chợ Bãi đi Ba Xã))	185			
1.4	Đường xã 499 (Từ Đường rẽ từ Quốc lộ 279 vào đường liên thôn Nam - Tây A- Tây B đến Chân dốc Kéo Dầy)	185			
2	Xã Điềm He (Xã Văn An và xã Vĩnh Lại trước khi sáp nhập)				
2.1	Đường Quốc lộ 1B (đoạn từ cây xăng đến hết Cầu Ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ)	2.620	1.572	1.048	524
2.2	Đường Quốc lộ 1B, đoạn 2 (Từ Cây xăng Điềm He (Km 17+700) đến Cầu Nà Làn)	280	168	112	
2.3	Đường tỉnh 239 (Từ Ngã 3 Điềm He rẽ đi xã Tân Đoàn đến Hết địa phận xã Điềm He (giáp xã An Sơn))	169			
2.4	Đường quốc lộ 1B đoạn 3 (Từ đầu cầu Nà Làn đến giáp địa phận xã Khánh Khê	169			
2.5	Đường huyện.50 (Từ Cầu ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ đến Hết địa phận xã Điềm He)	169			
2.6	Đường huyện.52: Đường Bản Làn - Tràng Các (Từ Ngã 3 Bản Làn rẽ vào đường Tràng Các đến Hết địa phận xã Điềm He)	231	138		
2.7	Đường Quốc lộ 1B (Từ điểm tiếp giáp thị trấn Văn Quan (hết phố Nà Lộc) đến hết ngã 3 dường rẽ tỉnh lộ 232 đi huyện Văn Lãng (Km23+900))	505	303	202	
2	Xã Bình Phúc (xã Bình Phúc và xã Xuân Mai trước khi sáp nhập)				
3.1	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1: (Từ hết phố Bản Coóng đến điểm bưu điện xã Bình Phúc)	505	303	202	
3.2	Đường quốc lộ 279: đoạn 2 (Từ Điểm bưu điện xã Bình Phúc đến Điểm giáp ranh xã Yên Phúc)	773	464	309	155

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3	Xã Tân Đoàn				
3.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ giáp ranh xã Tràng Phái (Km10+96) đến đầu cầu xi măng	809	485	323	162
3.2	Đường xã 462B (Từ Điểm tiếp giáp đường Quốc lộ 239 qua chợ Tân Đoàn đến Đường vào trường THCS xã Tân Đoàn)	540	324	216	108
3.3	Đường tỉnh 239 đoạn 2 (Từ cầu xi măng chợ Ba Xã đến đường rẽ vào thôn Khòn Sày)	301	181		
3.4	Đường tỉnh 239 đoạn 3 (Từ đường rẽ vào thôn Khòn Sày đến điểm tiếp giáp xã An Sơn)	169			
3.5	Đường tỉnh lộ 239 (Từ Đoạn rẽ đi thôn Lùng Pá - Bản Nằng qua Trạm Truyền hình đến Trường Tiểu học xã Tân Đoàn)	590	354	236	
4	Xã Tri Lễ				
4.1	Đường huyện.59B (Từ Km7+500 đến Ngã 3 rẽ đi Hữu Lễ + đường vành đai tránh chợ)	547	328	219	
5	Xã Tràng Phái				
5.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ điểm tiếp giáp xã Tân Đoàn (Km10+150) đến Ngã 3 Phai Làng (Km8+700))	554	333	222	
5.2	Đường tỉnh 239, đoạn 2 (Từ Ngã 3 Phai Làng Km8+700 đến Km 6+00)	335	201	134	
5.3	Đường tỉnh 239, đoạn 3 (Từ Km6+00 đến Km5+00)	170			
5.4	Đường tỉnh 239, đoạn 4 (Từ Km8+00 theo đường huyện Đường huyện.59 đi chợ Bãi đến Km1+500)	253	152		
6	Xã Khánh Khê				

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh (quốc lộ 1B cũ, Đường huyện.59A) (Từ Cầu Nà Lốc đến Đường nhánh từ ngã ba chợ Khánh Khê lên 100m, từ ngã ba chợ Khánh Khê đến cầu cũ xã Khánh Khê, đến cầu mới Khánh Khê (Km11))	982	589	393	
6.2	Đường Quốc lộ 1B (Từ Giáp với xã Điềm He (xã Văn An cũ) (Km 14+500) đến Đầu cầu Nà Lốc)	295	177	118	
6.3	Đường huyện 59A (Từ đường đi xã Đồng Giáp cũ từ mét thứ 101 đến hết thôn Thống Nhất)	204			
6.4	Đường huyện 59A (từ đường rẽ xuống xóm Nà Lẹ (thôn đồng Tân đến Cầu Nà Bản)	358			
6.5	Đường huyện 52 (qua các thôn Nà Khàn, Nà Rẹ, Nà Tao): Từ giáp ranh xã An Sơn đến trường Tiểu học Nà Tao	294			
7	Xã Lương Năng				
7.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh quốc lộ 1B (từ Trường tiểu học xã Lương Năng đến Trường mầm non+200m khu vực chợ và đoạn từ đường rẽ Quốc lộ 1B đến cầu Nà Thang đến khu vực chợ)	295	177	118	
7.2	Đường nhánh quốc lộ 1B (Từ Đường rẽ Quốc lộ 1B vào thôn Pá Hà đến Đường rẽ vào trường THCS xã Lương Năng)	253	152	101	
7.3	Đường nhánh (từ Trường mầm non xã Lương Năng +200m đến Hết thôn Bản Téng (hết địa phận Văn Quan))	153	92		
8	Xã Tú Xuyên				
8.1	Đường quốc lộ 1B: đoạn 1 (Từ Đầu cầu Bó Pia giáp ranh phố Tân Long, thị trấn Văn Quan đến Đầu cầu Bản Giềng thôn Khòn Coọng)	330	198		
8.2	Đường quốc lộ 1B: đoạn 2 (Từ Cầu Bảng Giềng đến giáp ranh xã Lương Năng (thôn Khòn Cọong)	169			
9	Xã Liên Hội (xã Vân Mộng trước khi sáp nhập)				

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
9.1	Đường tỉnh lộ 232 (gồm các thôn: Khòn Cải, Khòn Tẩư, Khòn Lạn) (Từ Đầu thôn Khòn Cải đến Hết thôn Khòn Lạn)	185			
10	Xã Hòa Bình				
10.1	Đường Tỉnh lộ 233 (Từ Km 1 + 410 thôn Khòn Hẩu (tiếp giáp với thị trấn Văn Quan) đến Km 7+200 thôn Trung Thượng (tiếp giáp với xã Bình La, huyện Bình Gia))	185			
11	Xã An Sơn				
11.1	Đường huyện.52 (qua các thôn Bản Nóoc, Nà Mìn) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Điểm tiếp giáp xã Tràng Các cũ)	153			
11.2	Đường huyện 53 đường Lũng Pa - Pắc Kéo - Thị trấn (qua các thôn Bình Đãng A, Bình Đãng B, Quang Bí, Bản Thí, Phiền Mậu, Tân Tiến, Ích Hữu): Từ đoạn rẽ từ Quốc lộ 1B (đèo Lùng Pa) hết thôn Ích Hữu giáp thị trấn Văn Quan	420	252	168	
11.3	Đường tỉnh lộ 239 (qua các thôn Cốc Phường, Đoàn Kết, Nà Thòa) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Hết địa phận xã An Sơn - giáp xã Tân Đoàn)	153			
	Đất thương mại, dịch vụ				
1	Xã Yên Phúc				
1.1	Đường nhánh Quốc lộ 279 (từ đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc đến Chợ Bãi (toàn bộ khu vực trong chợ - áp dụng đối với những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)	2.997	1.798	1.199	599
1.2	Đường huyện 58 (từ Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc) đến Cống Kéo Đẩy)	1.481	888	592	296
1.3	Đường huyện.58 (từ Cống Kéo Đẩy đến Cột Km số 2 (Chợ Bãi đi Ba Xã))	211			
1.4	Đường xã 499 (Từ Đường rẽ từ Quốc lộ 279 vào đường liên thôn Nam - Tây A- Tây B đến Chân dốc Kéo Dầy)	211			
2	Xã Điềm He (Xã Văn An và xã Vĩnh Lại trước khi sáp nhập)				

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.1	Đường Quốc lộ 1B (đoạn từ cây xăng đến hết Cầu Ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ)	2.994	1.797	1.198	599
2.2	Đường Quốc lộ 1B, đoạn 2 (Từ Cây xăng Điềm He (Km 17+700) đến Cầu Nà Làn)	320	192	128	
2.3	Đường tỉnh 239 (Từ Ngã 3 Điềm He rẽ đi xã Tân Đoàn đến Hết địa phận xã Điềm He (giáp xã An Sơn))	194			
2.4	Đường quốc lộ 1B đoạn 3 (Từ đầu cầu Nà Làn đến giáp địa phận xã Khánh Khê	194			
2.5	Đường huyện 50 (Từ Cầu ngầm đường rẽ đi xã Song Giang cũ đến Hết địa phận xã Điềm He)	194			
2.6	Đường huyện 52: Đường Bản Làn - Tràng Các (Từ Ngã 3 Bản Làn rẽ vào đường Tràng Các đến Hết địa phận xã Điềm He)	263	158		
2.7	Đường Quốc lộ 1B (Từ điểm tiếp giáp thị trấn Văn Quan (hết phố Nà Lộc) đến hết ngã 3 dường rẽ tỉnh lộ 232 đi huyện Văn Lãng (Km23+900))	577	346	231	
2	Xã Bình Phúc (xã Bình Phúc và xã Xuân Mai trước khi sáp nhập)				
3.1	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1: (Từ hết phố Bản Coóng đến điểm bưu điện xã Bình Phúc)	577	346	231	
3.2	Đường quốc lộ 279: đoạn 2 (Từ Điểm bưu điện xã Bình Phúc đến Điểm giáp ranh xã Yên Phúc)	883	530	353	177
3	Xã Tân Đoàn				
3.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ giáp ranh xã Tràng Phái (Km10+96) đến đầu cầu xi măng	924	554	370	185
3.2	Đường xã 462B (Từ Điểm tiếp giáp đường Quốc lộ 239 qua chợ Tân Đoàn đến Đường vào trường THCS xã Tân Đoàn)	617	370	247	123
3.3	Đường tỉnh 239 đoạn 2 (Từ cầu xi măng chợ Ba Xã đến đường rẽ vào thôn Khòn Sày)	344	206		
3.4	Đường tỉnh 239 đoạn 3 (Từ đường rẽ vào thôn Khòn Sày đến điểm tiếp giáp xã An Sơn)	194			

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
3.5	Đường tỉnh lộ 239 (Từ Đoạn rẽ đi thôn Lùng Pá - Bản Nằng qua Trạm Truyền hình đến Trường Tiểu học xã Tân Đoàn)	674	405	270	
4	Xã Tri Lễ				
4.1	Đường huyện 59B (Từ Km7+500 đến Ngã 3 rẽ đi Hữu Lễ + đường vành đai tránh chợ)	625	375	250	
5	Xã Tràng Phái				
5.1	Đường tỉnh 239 đoạn 1 (Từ điểm tiếp giáp xã Tân Đoàn (Km10+150) đến Ngã 3 Phai Làng (Km8+700))	634	380	253	
5.2	Đường tỉnh 239, đoạn 2 (Từ Ngã 3 Phai Làng Km8+700 đến Km 6+00)	383	230	153	
5.3	Đường tỉnh 239, đoạn 3 (Từ Km6+00 đến Km5+00)	194			
5.4	Đường tỉnh 239, đoạn 4 (Từ Km8+00 theo đường huyện Đường huyện.59 đi chợ Bãi đến Km1+500)	289	173		
6	Xã Khánh Khê				
6.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh (quốc lộ 1B cũ, Đường huyện 59A) (Từ Cầu Nà Lốc đến Đường nhánh từ ngã ba chợ Khánh Khê lên 100m, từ ngã ba chợ Khánh Khê đến cầu cũ xã Khánh Khê, đến cầu mới Khánh Khê (Km11))	1.122	673	449	
6.2	Quốc lộ 1B (Từ Giáp với xã Điềm He (xã Văn An cũ) (Km 14+500) đến Đầu cầu Nà Lốc)	337	202	135	
6.3	Đường huyện 59A (Từ đường đi xã Đồng Giáp cũ từ mét thứ 101 đến hết thôn Thống Nhất)	234			
6.4	Đường huyện 59A (từ đường rẽ xuống xóm Nà Lẹ (thôn đồng Tân đến Cầu Nà Bản)	410			
6.5	Đường huyện 52 (qua các thôn Nà Khàn, Nà Rẹ, Nà Tao): Từ giáp ranh xã An Sơn đến trường Tiểu học Nà Tao	336			

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7	Xã Lương Năng				
7.1	Đường quốc lộ 1B và đường nhánh quốc lộ 1B (từ Trường tiểu học xã Lương Năng đến Trường mầm non+200m khu vực chợ và đoạn từ đường rẽ Quốc lộ 1B đến cầu Nà Thang đến khu vực chợ)	337	202	135	
7.2	Đường nhánh quốc lộ 1B (Từ Đường rẽ Quốc lộ 1B vào thôn Pá Hà đến Đường rẽ vào trường THCS xã Lương Năng)	289	173	116	
7.3	Đường nhánh (từ Trường mầm non xã Lương Năng +200m đến Hết thôn Bản Téng (hết địa phận Văn Quan))	175	105		
8	Xã Tú Xuyên				
8.1	Đường quốc lộ 1B: đoạn 1 (Từ Đầu cầu Bó Pia giáp ranh phố Tân Long, thị trấn Văn Quan đến Đầu cầu Bản Giềng thôn Khòn Coọng)	377	226		
8.2	Đường quốc lộ 1B: đoạn 2 (Từ Cầu Bảng Giềng đến giáp ranh xã Lương Năng (thôn Khòn Cọong)	194			
9	Xã Liên Hội (xã Vân Mộng trước khi sáp nhập)				
9.1	Đường tỉnh lộ 232 (gồm các thôn: Khòn Cải, Khòn Tẩư, Khòn Lạn) (Từ Đầu thôn Khòn Cải đến Hết thôn Khòn Lạn)	211			
10	Xã Hòa Bình				
10.1	Đường tỉnh lộ 233 (Từ Km 1 + 410 thôn Khòn Hẩu (tiếp giáp với thị trấn Văn Quan) đến Km 7+200 thôn Trung Thượng (tiếp giáp với xã Bình La, huyện Bình Gia))	211			
11	Xã An Sơn				
11.1	Đường huyện 52 (qua các thôn Bản Nóoc, Nà Mìn) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Điểm tiếp giáp xã Tràng Các cũ)	175			
11.2	Đường huyện 53 đường Lũng Pa - Pắc Kéo - Thị trấn (qua các thôn Bình Đãng A, Bình Đãng B, Quang Bí, Bản Thí, Phiền Mậu, Tân Tiến, Ích Hữu): Từ đoạn rẽ từ Quốc lộ 1B (đèo Lùng Pa) hết thôn Ích Hữu giáp thị trấn Văn Quan	480	288	192	

TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
11.3	Đường tỉnh lộ 239 (qua các thôn Cốc Phường, Đoàn Kết, Nà Thòa) (từ Hết địa phận xã Điềm He đến Hết địa phận xã An Sơn - giáp xã Tân Đoàn)	175			

Huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn **Mẫu số 14**

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành theo Quyết định số 30 /2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

(Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²)

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất ở tại đô thị						
1	Đường Lương Văn Tri đoạn 1	Km 28+100	Km 29+500	7.155	4.293	2.862	1.431
2	Đường Phùng Chí Kiên	Đường Lương Văn Tri (Km 28+530/quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn	4.950	2.970	1.980	990
3	Đường Lê Quý Đôn	Đường Tân An (Km0+943/đường huyện 54)	Đường Lương Văn Tri (Km 28+ 940/quốc lộ 1B)	4.950	2.970	1.980	990
4	Đường Trần Phú	Đường Lương Văn Tri (km 28+459/ đường Quốc lộ 1B)	Cổng trường PTTH Lương Văn Tri	4.290	2.574	1.716	858
5	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lương Văn Tri (km 28+709/Quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn (Km 0+377/nhánh I)	4.950	2.970	1.980	990
6	Đường Lương Văn Tri, đoạn 2	Km 29+500	Km 31+300	4.319	2.591	1.728	864
7	Đường Thanh Xuân	Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Km 182+1500 đường Quốc lộ 279	4.290	2.574	1.716	858
8	Đường Hòa Bình, đoạn 1	Đường Lương Văn Tri rẽ vào đường Hòa Bình	Giáp cầu Hòa Bình	2.860	1.716	1.144	572
9	Đường Lương Văn Tri, đoạn 3	Km 31+300	Đầu cầu bó Piya (Km 32+700)	2.530	1.518	1.012	506
10	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 1	Km28+220 đường Quốc lộ 1B	Km16+950 đường Đường huyện 53	5.050	3.030	2.020	1.010
11	Đường Hòa Bình, đoạn 2	Đầu cầu Hòa Bình (đường Hòa Bình - Bình La)	Km 0+900	1.710	1.026	684	342

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
12	Đường Lương Văn Tri đoạn 4	Km28+100 (đi xã Điềm He)	Km26 đường Quốc lộ 1B	2.989	1.793	1.196	
13	Đường Hòa Bình, đoạn 3	Km 0+900	Hết mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan	1.323	794	529	
14	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1	Km182 + 1500 đến Quốc lộ 279	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Bình Phúc	2.476	1.486	990	495
15	Đường Quốc lộ 1B (phố Nà Lộc)	Km 26 đường Quốc lộ 1B	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Điềm He	1.323	794	529	
16	Đường Bản coóng	Từ đường Quốc lộ 279	Đường Lùng Cà đoạn 2	722	433		
17	Đường Lùng Cà, đoạn 1	Đầu cầu Đức Hinh	Nhà máy nước Thị trấn Văn Quan	1.265	759		
18	Đường Lùng Cà, đoạn 2	Nhà máy nước Thị trấn Văn Quan	Hết xóm Lùng Cà giáp địa giới hành chính xã Bình Phúc	788			
19	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 2	Từ Km 16+950 đường Đường huyện 53	Hết phố Tân An	788			
	Đất sản xuất, kinh doanh không phải đất thương mại, dịch vụ						
1	Đường Lương Văn Tri đoạn 1	Km 28+100	Km 29+500	5.009	3.005	2.003	1.002
2	Đường Phùng Chí Kiên	Đường Lương Văn Tri (km 28+530/quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn	3.465	2.079	1.386	693
3	Đường Lê Quý Đôn	Đường Tân An (Km0+943/đường huyện 54)	Đường Lương Văn Tri (Km 28+ 940/quốc lộ 1B)	3.465	2.079	1.386	693
4	Đường Trần Phú	đường Lương Văn Tri (km 28+459/quốc lộ 1B)	Cổng trường PTTH Lương Văn Tri	3.003	1.802	1.201	601
5	Đường Ngô Gia Tự	đường Lương Văn Tri (km 28+709/quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn (Km 0+377/nhánh I)	3.465	2.079	1.386	693
6	Đường Lương Văn Tri, đoạn 2	Km 29+500	Km 31+300	3.023	1.814	1.209	605

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
7	Đường Thanh Xuân	Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Km 182+1500 đường Quốc lộ 279	3.003	1.802	1.201	601
8	Đường Hòa Bình, đoạn 1	Đường Lương Văn Tri rẽ vào đường Hòa Bình	Giáp cầu Hòa Bình	2.002	1.201	801	400
9	Đường Lương Văn Tri, đoạn 3	Km 31+300	Đầu cầu bó Piya (Km 32+700)	1.771	1.063	708	354
10	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 1	Km28+220 Quốc lộ 1B	Km16+950 đường Đường huyện 53	3.535	2.121	1.414	707
11	Đường Hòa Bình, đoạn 2	Đầu cầu Hòa Bình (đường Hòa Bình - Bình La)	Km 0+900	1.197	718	479	239
12	Đường Lương Văn Tri đoạn 4	Km28+100 (đi xã Điềm He)	Km26 đường Quốc lộ 1B	2.092	1.255	837	
13	Đường Hòa Bình, đoạn 3	Km 0+900	Hết mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan	926	556	370	
14	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1	Km182 + 1500 đến đường Quốc lộ 279	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Bình Phúc	1.733	1.040	693	347
15	Đường Quốc lộ 1B (phố Nà Lộc)	Km 26 đường Quốc lộ 1B	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Điềm He	926	556	370	
16	Đường Bản coóng	Từ đường Quốc lộ 279	Đường Lùng Cà Đoạn 2	552			
17	Đường Lùng Cà, đoạn 1	Đầu cầu Đức Hinh	Nhà máy nước Thị trấn Văn Quan	886	372		
18	Đường Lùng Cà, đoạn 2	Nhà máy nước Thị trấn Văn Quan	Hết xóm Lùng Cà giáp địa giới hành chính xã Bình Phúc	552			
19	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 2	Từ Km 16+950 đường Đường huyện 53	Hết phố Tân An	552			
	Đất thương mại, dịch vụ						
1	Đường Lương Văn Tri đoạn 1	Km 28+100	Km 29+500	5.724	3.434	2.290	1.145

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
2	Đường Phùng Chí Kiên	Đường Lương Văn Tri (km 28+530/quốc lộ 1B)	Đường Lê Quý Đôn	3.960	2.376	1.584	792
3	Đường Lê Quý Đôn	Đường Tân An (Km0+943/đường huyện 54)	Đường Lương Văn Tri (Km 28+ 940/quốc lộ 1B)	3.960	2.376	1.584	792
4	Đường Trần Phú	đường Lương Văn Tri (km 28+459/đường Quốc lộ 1B)	Cổng trường PTTH Lương Văn Tri	3.432	2.059	1.373	686
5	Đường Ngô Gia Tự	đường Lương Văn Tri (km 28+709/đường Quốc lộ 1B)	đường Lê Quý Đôn (Km 0+377/nhánh I)	3.960	2.376	1.584	792
6	Đường Lương Văn Tri, đoạn 2	Km 29+500	Km 31+300	3.455	2.073	1.382	691
7	Đường Thanh Xuân	Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Km 182+1500 đường Quốc lộ 279	3.432	2.059	1.373	686
8	Đường Hòa Bình, đoạn 1	Đường Lương Văn Tri rẽ vào đường Hòa Bình	Giáp cầu Hòa Bình	2.288	1.373	915	458
9	Đường Lương Văn Tri, đoạn 3	Km 31+300	Đầu cầu bó Piya (Km 32+700)	2.024	1.214	810	405
10	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 1	Km28+220 đường Quốc lộ 1B	Km16+950 đường Đường huyện 53	4.040	2.424	1.616	808
11	Đường Hòa Bình, đoạn 2	Đầu cầu Hòa Bình (đường Hòa Bình - Bình La)	Km 0+900	1.368	821	547	274
12	Đường Lương Văn Tri đoạn 4	Km28+100 (đi xã Điềm He)	Km26 Quốc lộ 1B	2.391	1.435	956	
13	Đường Hòa Bình, đoạn 3	Km 0+900	Hết mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan	1.058	635	423	
14	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1	Km182 + 1500 đến đường Quốc lộ 279	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Bình Phúc	1.981	1.188	792	396
15	Đường Quốc lộ 1B (phố Nà Lộc)	Km 26 Quốc lộ 1B	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Điềm He	1.058	635	423	

TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4
16	Đường Bản coóng	Từ đường Quốc lộ 279	Đường Lùng Cà Đoạn 2	630			
17	Đường Lùng Cà, đoạn 1	Đầu cầu Đức Hinh	Nhà máy nước thị trấn Văn Quan	1.012	425		
18	Đường Lùng Cà, đoạn 2	Nhà máy nước Thị trấn Văn Quan	Hết xóm Lùng Cà giáp địa giới hành chính xã Bình Phúc	630			
19	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 2	Từ Km 16+950 đường Đường huyện 53	Hết phố Tân An	630			